

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ CÔNG THƯƠNG****BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2010/TT-BCT

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2010

THÔNG TƯ**Về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2010 và 2011
với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ Campuchia**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia ký ngày 29 tháng 10 năm 2010;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 8339/VPCP-QHQT ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc triển khai Thỏa thuận Việt Nam - Campuchia về ưu đãi hàng hóa;

Bộ trưởng Bộ Công thương quy định việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2010 và năm 2011 với thuế suất thuế nhập khẩu 0% đối với hàng hóa có xuất xứ từ Campuchia như sau:

Điều 1. Danh mục hàng hóa và lượng HNTQ nhập khẩu năm 2010 và 2011

1. Áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2010 và năm 2011 đối với hai nhóm mặt hàng có xuất xứ từ Campuchia gồm: thóc và gạo các loại; lá thuốc lá khô với thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% (không phần trăm).

Thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan bằng 0% trong năm 2010 được áp dụng đối với các tờ khai hải quan đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 01

tháng 11 năm 2010 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010. Thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan bằng 0% trong năm 2011 được áp dụng đối với các tờ khai hải quan đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011.

2. Mã số hàng hóa và tổng lượng hạn ngạch thuế quan của các nhóm mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% theo Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều kiện được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan 0%

1. Hàng hóa nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của Vương quốc Campuchia cấp theo quy định và được thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa giải quyết tại hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa theo nguyên tắc trừ lùi tự động (tổng lượng hàng nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu 0% trừ đi số lượng đã nhập khẩu của từng mặt hàng).

2. Thương nhân Việt Nam được nhập khẩu các mặt hàng thóc và gạo các loại theo hạn ngạch thuế quan. Đối với lá thuốc lá khô, chỉ những thương nhân có giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan do Bộ Công thương cấp theo quy định tại Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) mới được phép nhập khẩu; Số lượng nhập khẩu tính trừ vào hạn ngạch thuế quan nhập khẩu theo giấy phép do Bộ Công thương cấp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2011 và hết hiệu lực sau ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thành Biên

Phụ lục số 01
MÃ SỐ HÀNG HÓA VÀ TỔNG LƯỢNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN
NHẬP KHẨU TỪ CAMPUCHIA NĂM 2010 VÀ NĂM 2011

(Kèm theo Thông tư số 37/2010/TT-BCT
ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Bộ Công thương)

Tên hàng	Mã số hàng hóa	Tổng lượng hạn ngạch năm 2010	Tổng lượng hạn ngạch năm 2011
I. Thóc và gạo các loại			
Thóc loại khác	1006.10.00.90	250.000 tấn quy gạo	250.000 tấn quy gạo
Gạo thom loại khác đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ	1006.30.19.00		
Gạo nếp đã xát toàn bộ, hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa đánh bóng hạt hoặc hồ	1006.30.30.00		
II. Lá thuốc lá khô			
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng	2401.10.10.00	3.000 tấn	3.000 tấn
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia chưa sấy bằng không khí nóng	2401.10.20.00		
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, đã sấy bằng không khí nóng	2401.10.30.00		
Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại khác, chưa sấy bằng không khí nóng	2401.10.90.00		

Tỷ lệ quy đổi: 2 kg thóc = 1 kg gạo.

Phụ lục số 02**DANH SÁCH CÁC CẶP CỬA KHẨU***(Kèm theo Thông tư số 37/2010/TT-BCT**ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Bộ Công thương)*

TT	Phía Việt Nam	Phía Campuchia
1	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	Ô Da Dao (tỉnh Rattanakiri)
2	Buprăng (tỉnh Đắk Nông)	Ô răng (tỉnh Mondolkiri)
3	Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)	Trapaing Sre (tỉnh Kratie)
4	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	Ba Vét (tỉnh Xvay Riêng)
5	Xa mát (tỉnh Tây Ninh)	Trapaing Plong (tỉnh Kam Pông Chàm)
6	Tràng Riệp (tỉnh Tây Ninh)	Đa (tỉnh Kam Pông Chàm)
7	Cà Tum (tỉnh Tây Ninh)	Chăn Mun (tỉnh Kam Pông Chàm)
8	Tông Lê Chân (tỉnh Tây Ninh)	Sa Tum (tỉnh Kam Pông Chàm)
9	Phước Tân (tỉnh Tây Ninh)	Bos môn (tỉnh Xvay Riêng)
10	Bình Hiệp (tỉnh Long An)	Prây Vo (tỉnh Xvay Riêng)
11	Vàm Đồn (tỉnh Long An)	Sre barang (tỉnh Xvay Riêng)
12	Mỹ Quý Tây (tỉnh Long An)	Xom Rông (tỉnh Xvay Riêng)
13	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	Bon Tia Chak Crây (tỉnh Pray Veng)
14	Vĩnh Xương (tỉnh An Giang) và Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)	Ka-oam Samnor (tỉnh Kan Đan) và Koh Rokar (tỉnh Prey Veng)
15	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	Phnom Den (tỉnh Ta Keo)
16	Khánh Bình (tỉnh An Giang)	Chrây Thum (tỉnh Kan Đan)
17	Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang)	Prek Chak (tỉnh Kam Pốt)